

NHỮNG YẾU TỐ KHIẾN NGƯỜI DÂN DỄ BỊ TỔN THƯƠNG DO THIÊN TAI Ở XÃ LÂM ĐÓT, HUYỆN A LUỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TS. Nguyễn Công Thảo
Viện Dân tộc học
Email: writervn@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết chỉ ra ba yếu tố khiến người dân ở xã Lâm Đốt, huyện A Luới, tỉnh Thừa Thiên Huế dễ bị tổn thương khi phải đối mặt với thiên tai (lũ lụt), đó là nghèo đói, thực trạng quản lý và sử dụng đất đai, hạn chế của hệ thống thủy lợi. Trong khi nghèo đói đã được nhiều nghiên cứu đi trước đề cập, việc chỉ ra mối liên hệ giữa hệ thống thủy lợi, việc quản lý và sử dụng đất đai với mức độ rủi ro trước thiên tai là đóng góp bổ sung của bài viết này đối với chủ đề nghiên cứu về thiên tai, ứng phó với thiên tai. Đặc biệt, đây là một trong số ít nghiên cứu về ứng phó với thiên tai và tính dễ bị tổn thương tập trung vào người dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới, thuộc vùng cao bởi lẽ đa phần các nghiên cứu trước chú ý vào vùng đồng bằng, ven biển hay các thành phố lớn.

Từ khóa: Thiên tai, ứng phó thiên tai, dễ bị tổn thương, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Abstract: The article highlights three factors that contribute to the vulnerability of people in Lam Dot commune, A Luoi district, Thua Thien Hue province, when facing natural disasters, especially floods. These factors are poverty, land use and management, and irrigation systems. Although poverty has been mentioned in several previous studies, this article is unique in its contribution to the field of disaster research and response by revealing the link between irrigation systems, land use and management, and the level of natural disaster risks. It is noteworthy that while previous studies have primarily focused on plains, coastal regions, or large cities, this is one of the few studies on disaster response and vulnerability that focuses on ethnic minorities in the border area of the highlands.

Keywords: Disaster, disaster response, vulnerability, Thua Thien Hue province.

Ngày nhận bài: 20/2/2023; ngày gửi phản biện: 8/3/2023; ngày duyệt đăng: 9/4/2023.

Mở đầu

Tác động của thiên tai đối với sinh kế cũng như đời sống của người dân là chủ đề được đặc biệt quan tâm trong những thập kỷ gần đây. Dưới góc độ khoa học xã hội, nhiều nghiên cứu quan tâm tới việc tìm hiểu yếu tố nào giúp người dân tăng khả năng thích ứng hoặc khiến

họ trở nên dễ bị tổn thương hơn. Le và cộng sự (2020) qua một nghiên cứu tại huyện A Lưới cho rằng cơ cấu thu nhập có ảnh hưởng lớn tới khả năng thích ứng với thiên tai của người dân. Những hộ thuần nông thích ứng kém hơn so với các nhóm có nguồn thu nhập đa dạng hơn. Đi làm ăn xa được coi là một lựa chọn giúp họ có thêm thu nhập tiền mặt và qua đó tăng khả năng thích ứng trước thiên tai. McElwee và cộng sự (2017) với nghiên cứu ở đồng bằng sông Hồng lại cho rằng quy mô nhân khẩu mới là tác nhân quan trọng ảnh hưởng tới sự thích ứng với lũ lụt và những hộ đến định cư sau, ở khu vực rìa làng là đối tượng chịu tổn thương trước bão lũ nhiều hơn. Trong khi thay đổi lịch mùa vụ là biện pháp thích ứng phổ biến của người nông dân Đồng bằng Sông Cửu Long (Dang et al, 2014; Nguyễn Công Thảo chủ biên, 2020) thì biện pháp này ít được tiến hành ở Đồng bằng Sông Hồng nhờ hệ thống thủy lợi khá phát triển (McElwee và cộng sự, 2017). Nhận thức của người dân về thiên tai cũng được coi là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến việc người dân thích ứng ra sao và hiệu quả của chúng thế nào như một nghiên cứu ở Đồng Tháp đã chỉ ra (Dang et al, 2014).

Một nghiên cứu khác ở thành phố Huế lại cho thấy bằng chứng rằng tình trạng nghèo đói có liên quan đến mức độ dễ tổn thương trước thiên tai. Theo đó, những hộ nghèo thường phải đối mặt với nhiều thách thức hơn; nhà cửa bị ngập sâu và hư hại nặng hơn so với nhóm hộ khác bởi nhà ở của họ không kiên cố với nền nhà thấp. Có nghiên cứu đã chỉ ra ba nhân tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình thích ứng của người dân, bao gồm: khả năng tiếp cận tín dụng, đất đai và thông tin (Bryan et al, 2009). Trong khi đó, vốn xã hội, quan hệ xã hội cũng được xem xét ở nhiều nghiên cứu khác và điều đó khiến chiến lược thích ứng với thiên tai có sự khác biệt theo giới cũng như tộc người. Dù đóng vai trò quan trọng nhưng vốn xã hội được cho là không thể cung cấp đủ các nguồn lực cần thiết để người dân ứng phó hiệu quả với thiên tai (Mark & Chris, 2005; Fischer và cộng sự, 2010). Qua nghiên cứu ở cộng đồng người dân tộc thiểu số (DTTS) ở tỉnh Bắc Cạn, Ho & Kingsbury (2020) cho rằng cải thiện tình trạng đói nghèo và kiến tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực là hai yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tăng khả năng phục hồi cho người dân. Kế thừa các nghiên cứu trên, qua nghiên cứu trường hợp tại xã Lâm Đót, một xã biên giới của huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, bài viết này tập trung tìm hiểu yếu tố nào khiến người dân trở nên dễ tổn thương hơn khi phải đối mặt với thiên tai và nhận thức của người dân về những yếu tố đó. Ngoài việc kế thừa các tài liệu đi trước, những phân tích trong bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu tài liệu của địa phương, quan sát thực địa, thảo luận với người dân và đặc biệt là kết quả phỏng vấn sâu 22 người dân, trong đó có 11 người Cơ Tu và 11 người Tà Ôi ở xã Lâm Đót. Trong số 22 hộ này, có 11 hộ thuộc diện nghèo, 7 hộ cận nghèo và 4 hộ thuộc diện khá giả hơn.

1. Giới thiệu điểm nghiên cứu

Xã Lâm Đót nằm ở phía Tây Bắc của huyện A Lưới, cách trung tâm thị trấn huyện khoảng 30 km. Xã được thành lập vào tháng 2 năm 2020 trên cơ sở hợp nhất hai xã A Đót và Hương Lâm. Xã tiếp giáp với Lào về phía Tây. Cửa khẩu quốc gia A Đót Tà Vàng được

thành lập năm 2011 và sự kiện này đã góp phần thúc đẩy trao đổi hàng hóa giữa người dân ở khu vực biên giới hai nước. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân xã (UBND), tính đến cuối năm 2020, toàn xã có 1.249 hộ, 4.844 khẩu. Nằm ven đường Hồ Chí Minh và tỉnh lộ 21, xã bao gồm 11 thôn với điều kiện đường giao thông khá thuận tiện. Có thể chia 11 thôn thành 2 vùng tộc người chính, trong đó người Cơ Tu chiếm đa số ở các thôn Chí Hòa, Liên Hiệp, Ba Lạch, Cur So, Ka Nôn 1, Ka Nôn 2; người Tà Ôi tập trung ở các thôn A Tin, PaRis Kavin, Chilanh Aroh, La Tung, A Đốt. Đây là hai tộc người chiếm trên 90% dân số toàn xã. Người Kinh chiếm tỷ lệ khoảng 7,5%, sinh sống rải rác ở tất cả các thôn.

Địa hình của xã tương đối cao ở phía Tây và thấp dần về phía Đông. La Tung, Ba Lạch và A Sáp là ba con suối chính, đóng vai trò tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, theo đánh giá của người dân, ba con suối này chỉ đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu cho 70% diện tích, 30% diện tích còn lại phải phụ thuộc vào nước mưa. Việc canh tác hai vụ lúa nước được phát triển từ giữa những năm 1990, trong đó vụ một bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 5, vụ hai bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12. Ngô được trồng ở đất ven suối, chân đồi, từ tháng 1 đến tháng 4. Theo người dân, từ năm 2015 trở về trước, thời điểm từ tháng 3-5 thường nắng nóng, không có mưa, mưa ít trong các tháng 6-7, mưa nhiều trong 3 tháng 7-9 và mưa phùn rải rác từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau. Tuy nhiên, từ năm 2015 trở lại đây, quy luật này bị thay đổi, trở nên khó đoán định hơn, điển hình là trận lũ lịch sử tháng 11 năm 2020 và rét đậm trong tháng 2-3 năm 2021.

Về diện tích cây trồng, tính đến đầu năm 2021, cây keo chiếm vị trí lớn nhất với 895ha trong toàn xã. Tuy nhiên, diện tích này bao gồm cả số ít đất trồng ngô, sắn xen canh nên UBND xã không bóc tách được. Đứng thứ hai là đất rừng phòng hộ với 425,5ha được giao cho cộng đồng quản lý. Diện tích đất lúa nước đứng thứ ba với 425,5ha. Ao cá chiếm tỷ lệ nhỏ với 48,4ha. Ngoài trừ các hộ người Kinh vốn chủ yếu sống ven đường, lấy buôn bán hoặc lương từ Nhà nước làm nguồn thu nhập chính, người Cơ Tu và Tà Ôi trên địa bàn xã chủ yếu vẫn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp với lúa, keo và sắn là ba loại cây trồng chính. Về chăn nuôi, trâu bò, lợn và ao cá là ba nguồn thu chính của người dân. Trong khoảng 3 năm trở lại đây, thu nhập từ đi làm ăn xa có đóng góp quan trọng hơn trong cơ cấu thu nhập của gia đình. Ước tính có khoảng 25% người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã thường xuyên đi làm thuê ở các tỉnh lân cận. Số liệu của UBND xã cho thấy thu nhập bình quân đầu người trong năm 2020 là 18,9 triệu đồng; tỷ lệ nghèo là 16,2%, cận nghèo là 16,3%.

2. Thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra

2.1. Diễn biến thiên tai

Theo mô tả của người dân, trước năm 2015, lượng mưa trên địa bàn xã Lâm Đốt tập trung chủ yếu từ tháng 9 đến tháng 12, trong khi có rất ít mưa từ tháng 5 đến tháng 8. Khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 4 thường lạnh, ít mưa, nhiệt độ vào khoảng 15⁰C. Tuy nhiên, kể từ năm 2015 đến nay, nền nhiệt độ và lượng mưa đã thay đổi. Người dân cảm nhận thời

tiết nắng, nóng nhiều hơn, mùa khô kéo dài, số ngày mưa giảm nhưng gia tăng số ngày mưa lớn với gió mạnh và sấm chớp. Ngay từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2021, tuyết đối không có mưa và nhiệt độ thấp hơn các năm trước đó khoảng 7-8⁰C. Thời tiết năm 2020 được người dân đánh giá là “bất thường” nhất so với suốt 30 năm trước đó: mưa nhiều bắt đầu sớm, từ tháng 3-5; trận lũ lịch sử diễn ra vào tháng 10-11 với đỉnh lũ cao nhất vào trung tuần tháng 10, khiến phần lớn diện tích lúa nước trong xã bị ngập. Người dân cũng vẫn nhớ về một số năm trước có dấu ấn bất thường về thời tiết hoặc mức độ của thiên tai theo liệt kê dưới đây:

Năm Diễn biến thời tiết, thiên tai bất thường

1993	Lạnh bất thường từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau; nhiệt độ dưới 8 ⁰ C khiến nhiều gia súc, gia cầm chết.
1997	Hạn hán nghiêm trọng từ tháng 4-8, không có mưa; mùa đông không lạnh như thường lệ; hoa màu bị thiệt hại nặng nề.
1999	Lũ lụt tương đương với năm 2020, tất cả các thôn đều bị ảnh hưởng.
2016	Lũ lụt, lở đất, gió lốc mạnh, nhiều nhà bị sạt lở, tốc mái.
2017	Sấm chớp bất thường khiến 2 người ở thôn A Đốt tử vong, nhiều gia súc bị chết.
2018	Hạn hán nghiêm trọng từ tháng 7-12, mùa đông không lạnh như thường lệ.
2020	Lũ lụt nghiêm trọng trong tháng 10, khiến 1 người chết; sạt lở đất diễn ra ở nhiều nơi; phần lớn diện tích lúa bị ngập hoặc bồi lấp; hệ thống kênh mương bị phá hủy; nhà cửa bị tốc mái, nứt móng, hư hại nghiêm trọng.
2021	Tháng 1 nhiệt độ xuống dưới 8 ⁰ C, làm chết 353 con trâu bò trong toàn xã chưa kể gia cầm.

2.2. Thiệt hại do thiên tai gây ra

Trong vòng 5 năm trở lại đây, năm 2020 và đầu năm 2021 là hai năm có những đợt thiên tai gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với người dân ở xã Lâm Đốt. Riêng trong năm 2020, có 3 đợt gió lốc và lũ lớn. Theo số liệu của UBND xã Lâm Đốt, người DTTS chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất bởi thiên tai. Trong tổng số 1.159 hộ bị ảnh hưởng bởi trận bão vào tháng 10 năm 2020, có đến 1.150 hộ là người DTTS; 411 hộ thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo và 100% số hộ này là người DTTS. Trong số 250 hộ có nhà cửa bị hư hại, 243 hộ thuộc DTTS. Toàn bộ 16 hộ có nhà bị ngập đều là DTTS. Tương tự, 100% trong tổng số 566 số hộ có ruộng bị ngập, sạt lở hay bồi lấp cũng thuộc DTTS. Các thiệt hại phổ biến là tốc mái, ngập nhà, nứt tường, móng nhà. Phần lớn thiệt hại này diễn ra trong tháng 10 năm 2020 khi mưa lớn kéo dài gây ngập lụt nghiêm trọng trên địa bàn toàn xã.

Về sản xuất nông nghiệp, trận lũ lịch sử diễn ra vào tháng 10 năm 2020 gây thiệt hại hoàn toàn tới 187ha lúa nước, chiếm khoảng 44% tổng diện tích toàn xã; diện tích còn lại bị thiệt hại một phần. Tình trạng sạt lở diễn ra phổ biến ở khu vực ven suối khi mực nước suối

dâng cao bất ngờ, tốc độ dòng chảy cao, trong khi hiện trường bồi lấp bởi đá, cát, sỏi ghi nhận ở khu vực ruộng thấp. Hai quá trình này dẫn đến tình trạng nhiều diện tích lúa bị biến mất (do sạt lở) hoặc không thể tiếp tục canh tác (do cát, đá, sỏi bồi lấp). Việc khắc phục của người dân hết sức hạn chế bởi chi phí thuê máy xúc dọn đá, sỏi, cát thường vượt quá khả năng của nhiều hộ gia đình sau thiên tai. Theo đánh giá của chính quyền xã, quá trình sạt lở, bồi lấp đất đã dẫn đến tình trạng thiếu đất sản xuất của nhiều hộ dân, gián tiếp dẫn đến tình trạng xâm canh trái phép. Chỉ riêng năm 2020, đã có 27 vụ phá rừng làm nương, với diện tích gần 9ha. Điều đó khiến chính quyền xã phải lập phương án xin chuyển 200ha đất rừng thành đất sản xuất để giao cho những hộ thiếu đất. Trong khi đó, đợt rét bất thường tháng 1 năm 2021 với nền nhiệt thấp giảm xuống 7-8⁰C khiến trên 900 con trâu, bò trong toàn huyện bị chết. Con số này lớn hơn thiệt hại với gia súc của 7 tỉnh miền núi phía Bắc trong cùng đợt rét. Trong số này, riêng ở xã Lâm Đốt có trên 350 gia súc bị chết rét, chiếm trên 70% đàn gia súc trên địa bàn xã.

3. Một số yếu tố khiến tăng tính dễ bị tổn thương trước thiên tai

3.1. Nghèo đói

McElwee và cộng sự (2017) cho rằng nghèo đói không phải là nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc thích ứng của người dân trước bão lụt. Tuy nhiên, thực tế này có phần khác ở A Lưới khi nghèo đói dù không phải là nhân tố duy nhất nhưng có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng thích ứng trước thiên tai cũng như khả năng phục hồi của người dân khi thiên tai đã đi qua. Sau đợt bão lũ lịch sử tháng 10 năm 2020, đầu năm 2021 UBND xã Lâm Đốt tiến hành khảo sát và xác định có 172 hộ với 713 khẩu đang sinh sống ở khu vực có hiểm họa sạt lở, dễ bị ngập lụt khi bão lũ xảy ra. Điều đáng lưu ý là 100% trong số này thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo. Chính quyền xã cho rằng, về lâu dài những hộ này nên được di dời đến điểm tái định cư mới. Tuy nhiên, việc xây dựng phương án tái định cư cho những hộ này vẫn chưa thể tiến hành do thiếu quỹ đất cũng như ngân sách hỗ trợ di dời. Việc gia cố nhà cửa cũng chỉ dựa vào nguồn lực của hộ gia đình. Chính vì thế, 172 hộ được xác định có mức độ rủi ro trước thiên tai hiện vẫn phải cư trú tại nơi ở cũ, có địa hình thấp, dễ bị ngập lụt. Tỷ lệ nghèo toàn xã là trên 16% và đây được coi là nguyên nhân chính làm tăng tính dễ tổn thương của người dân trước thiên tai, bởi nghèo đói khiến họ không thể gia cố nhà ở hoặc chuyển đến nơi ở mới có địa hình cao hơn, ít nguy cơ sạt lở hơn hay phải đi làm ăn xa (để người già và trẻ em ở nhà). Quan ngại lớn nhất của người dân khi thiên tai xảy ra là an toàn tính mạng. Chính vì thế, họ cho rằng kiên cố hóa nhà cửa là ưu tiên số một giúp họ cảm thấy an toàn hơn khi có bão lũ. Những lựa chọn dưới đây được xếp loại theo thứ tự cần thiết, bền vững nhất của người dân để họ cảm thấy an toàn hơn: 1) Chuyển nhà đến nơi cao hơn, xa khu dễ sạt lở; 2) Nếu ở tại chỗ thì phải xây nhà kiên cố (xây gạch, đổ mái bằng hoặc tấm lợp tôn); 3) Nếu không thể xây nhà kiên cố thì cần nâng nền để chống ngập; 4) Thay mái nhà lợp ngói thành mái tôn để tránh bị gió thổi tốc khi có bão.

Tuy nhiên, do thiếu nguồn lực hỗ trợ đến từ phía chính quyền trong khi điều kiện kinh tế hộ gia đình hạn chế, hầu hết các hộ gia đình phải lựa chọn phương thức thích ứng mang

tính tạm thời, ít bền vững nhất. Đó là biện pháp đặt các bao tải cát lên nóc nhà nhằm tránh tốc mái khi có gió lốc (8 trong tổng số 22 hộ được khảo sát). Cách ứng phó này phổ biến ở các hộ nghèo, cận nghèo, hộ neo đơn bởi ở những hộ khá giả, việc sử dụng mái tôn, bắt ốc vít cố định là lựa chọn phổ biến, giúp ngôi nhà chống chọi với gió, bão tốt hơn. Điều đáng nói là những hộ này đang sinh sống dưới những ngôi nhà gỗ, lợp mái ngói hoặc proximang nên biện pháp trên chỉ hiệu quả với những cơn gió nhẹ, vẫn tiềm ẩn rủi ro khi có bão như chính người dân thừa nhận. Những hộ có lao động và có thể tìm kiếm trợ giúp từ bạn bè, họ hàng thường lựa chọn nâng nền nhà nhằm tránh ngập (5 trong tổng số 22 hộ được khảo sát). Điều này được thực hiện bằng cách đổ đất hoặc nâng cột nhà. Tuy nhiên, tất cả các hộ dân đều thừa nhận đây là phương pháp mang tính tạm thời và không đủ để giúp họ an toàn khi có bão hoặc lũ lớn với cường độ như tháng 10 năm 2020. Bởi lẽ, khu vực họ đang ở thường thấp, khả năng thoát nước chậm, dễ bị sạt lở nên dễ bị ngập sâu, cô lập, khó tiếp cận hoặc hư hại nhà cửa (Nguyễn Công Thảo, 2022). Đây là khu vực vốn từng là đất ruộng, sát chân núi, có địa hình thấp. Do thiếu đất ở, người dân phải xây nhà tạm trên đất ruộng của mình từ những năm 1980. Họ không đủ khả năng mua đất ở những khu vực cao hay ven đường.

Theo quy định, các hộ nghèo được vay vốn từ ngân hàng chính sách bằng hình thức tín chấp, với mức vay cao nhất là 100 triệu đồng, trong thời hạn tối đa 10 năm, lãi suất 6,6%/năm với hộ nghèo và 7,92%/năm với hộ cận nghèo. Tuy nhiên, ngay cả khi được vay tối đa, số tiền này cũng không đủ để họ xây nhà mới hay di chuyển nhà đến nơi an toàn hơn bởi kinh phí tối thiểu để xây một ngôi nhà kiên cố cũng khoảng trên dưới 500 triệu đồng. Thêm vào đó, gần như 100% các hộ đã vay theo chính sách này và chưa trả hết nợ nên không đủ điều kiện vay tiếp. Trong khi đó, những hộ khá giả thường bán trâu, bò hay dùng số lương để thế chấp vay ngân hàng. Họ cũng dễ dàng hơn trong việc vay mượn bạn bè bởi phần lớn là cán bộ nhà nước hoặc buôn bán, có mạng lưới xã hội rộng hơn so với nhóm nghèo, cận nghèo. Trường hợp trưởng thôn A Đốt (được coi là hộ khá trong thôn), người đang xây dựng ngôi nhà mới kiên cố tại thời điểm tác giả ở thực địa là một ví dụ. Do sợ bão lũ, đầu năm 2021, cá nhân này đã sử dụng tiền trợ cấp từ vị trí trưởng thôn của mình để vay ngân hàng được 200 triệu, cộng với 45 triệu từ việc bán trâu, 100 triệu từ bố mẹ cho cùng với tiền tiết kiệm của hai vợ chồng để xây dựng nhà mới có nền cao hơn nhà cũ gần 1m. Một hộ ở thôn Paris-KaVin trong xã cũng xây nhà 2 tầng nhờ có 2 người con có lương hàng tháng do đang làm việc ở công an huyện A Lưới, dễ dàng sử dụng lương để vay vốn nuôi hàng chục con trâu trước đó và bán đi lấy tiền xây nhà vào cuối năm 2020. Theo đánh giá của cán bộ xã, người Cơ Tu ở thôn Cur So có nhiều đất đai hơn so với người Tà Ôi ở thôn A Đốt¹. Trong số 11 người Cơ Tu được phỏng vấn, 2 gia đình đã chuẩn bị di chuyển nhà ra ven đường Hồ Chí Minh, có địa hình cao hơn nơi ở cũ; 1 hộ đã gần hoàn thiện nhà mới. Đây là hai hộ được coi có điều kiện kinh tế trung bình khá trong thôn, đều có thu nhập ổn định từ việc sửa chữa, buôn bán xe máy hoặc buôn bán vật tư nông nghiệp. Trái lại, 11 hộ Tà Ôi ở thôn A Đốt chưa ai có kế hoạch rời đi

¹ So về tỷ lệ hộ nghèo thì thôn Cur So có tỷ lệ cao hơn so với thôn A Đốt.

bởi thiếu tiền để mua đất ở hay đôn nền, mua vật liệu, thuê thợ, dù đa phần muốn chuyển đến nơi ở cao hơn hoặc gia cố lại nhà cửa. Sự khác biệt giữa hai nhóm này, xét về tính dễ tổn thương được người dân giải thích bị chi phối bởi một số lý do: (1) Tỷ lệ người buôn bán, giáo viên, cán bộ nhà nước ở người Cơ Tu lớn hơn, nhờ đó họ có thu nhập tiền mặt thường xuyên, ổn định vì thế ít tổn thương hơn so với người Tà Ôi; (2) Người Cơ Tu có nhiều ruộng, gia súc hơn (lý do họ có nhiều ruộng hơn bởi Cù So là địa bàn cư trú lâu đời, người dân khai hoang được nhiều ruộng, trong khi ở A Đót, người Tà Ôi di cư từ Lào về sau 1975, có mật độ dân số cao nên diện tích bình quân hộ thấp hơn); (3) Thôn của người Cơ Tu nằm ven đường Hồ Chí Minh, thuận lợi buôn bán, giao thương với người Kinh ở thị trấn huyện.

Trong khi đó, một số ít hộ có điều kiện kinh tế thường xây nhà mới kiên cố trên đất cũ hoặc ở nơi có địa hình cao hơn dù gia đình họ không phải đang sinh sống ở khu vực có nguy cơ cao. Ngay trong năm 2021, tại thôn Cù So đã có 3 hộ dựng nhà mới kiên cố hơn qua việc xây tường, đôn cao nền nhà. Lựa chọn này đòi hỏi phải đầu tư nhiều tiền để lấp đất lúa ven đường hay san đất đồi làm nhà. Chi phí để thuê xe đổ đất hoặc thuê máy xúc đào đất là khá cao (180.000 đồng/1 xe đất và cần ít nhất 150 xe để nâng nền đủ để làm nhà). Bên cạnh đó, chi phí vật liệu để dựng một ngôi nhà kiên cố, theo ước tính của người dân là 600 triệu đồng (không bao gồm phí chuẩn bị mặt bằng, nhân công). Con số này tương ứng với mức thu nhập của một lao động trong vòng 10 năm theo mức thu nhập trung bình mà UBND xã Lâm Đót đưa ra. Gỗ vẫn là vật liệu chính để làm nhà và người dân phải làm đơn xin xác nhận của chính quyền xã, trước khi nộp cho hạt kiểm lâm địa phương để được phê duyệt. Trong đơn, họ phải ước tính số lượng gỗ cần thiết để làm nhà và khi được phê duyệt, họ chỉ được khai thác đúng số lượng đó. Khi được phê duyệt, họ phải nhờ họ hàng, bạn bè đi khai thác, vận chuyển về nhà và thuê thợ chế tác.

Bảng 1: Phương thức thích ứng với thiên tai trong nhà ở của một số hộ gia đình

Hộ	Mức độ gia cố nhà cửa	Hoàn cảnh gia đình
Khá giả số 1 (5 người)	Xây nhà mới với tường bằng gạch, khung gỗ, mái lợp tôn	Chồng và em ruột làm cán bộ tại huyện nên có lương; em cho vay tiền làm nhà dài hạn không lấy lãi; nhà có hơn 10 con trâu và gần 30 lợn nên có tài sản để bán lấy tiền làm nhà. Diện tích lúa nước: 3.000 m ² ; 1ha đất trồng keo
Khá giả số 2 (2 người)	Xây nhà gạch, lợp mái tôn kiên cố ven đường bằng việc mua đất ruộng, thuê xe đổ đất, tôn nền và làm nhà, mở quán bán hàng, thu mua	Hai em trai làm tại công an huyện, có lương tháng và dùng số lương vay tiền ngân hàng để đầu tư cùng; bố từng làm chủ tịch xã, nhà có trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Diện tích lúa nước: 2.000 m ² ; 1ha đất trồng keo

	nông sản	
Khá giả số 3 (4 người)	Xây nhà mái bằng với nền cao hơn	Đất ở mới được bố mẹ cho, bản thân biết xây. Có tiền tích lũy từ nghề làm sữa chữa, buôn bán xe máy. Diện tích lúa nước: 1.000 m ²
Nghèo số 1 (6 người)	Ở tại chỗ, chỉ xếp bao cát lên mái nhà; nhà gỗ, thuộc diện nhà tạm	Hai vợ chồng với 3 con nhỏ và 1 mẹ già; nhà chỉ có 800m ² đất lúa và khoảng 2.000m ² trồng keo. Chồng phải đi làm ăn xa
Nghèo số 2 (5 người)	Ở tại chỗ, chỉ xếp bao cát lên mái nhà; nhà gỗ, thuộc diện nhà tạm	Hai vợ chồng và 3 con nhỏ; nhà không có đất lúa nước; chỉ có 2.000 m ² trồng keo, hai vợ chồng đi làm thuê quanh năm
Nghèo số 3 (4 người)	Ở tại chỗ, chỉ xếp bao cát lên mái nhà; nhà xây lợp mái proximang	Hai vợ chồng và 2 con nhỏ, có 900 m ² đất lúa do bố mẹ cho; 1.000 m ² trồng keo

Nguồn: Khảo sát thực địa tại xã Lâm Đốt, năm 2021

Một nghiên cứu ở thành phố Huế đã chỉ ra các hộ nghèo phải chịu rủi ro ngập lụt hơn, nhà của họ thường bị ngập sâu hơn 40cm so với các hộ khá giả vì hộ khá giả có điều kiện xây nhà nền cao, kiên cố hoặc đủ khả năng di dời ra khu vực cao hơn (Tran et al, 2007). Đây cũng là thực tế được ghi nhận ở xã Lâm Đốt bởi các hộ nghèo, cận nghèo thường sinh sống trong nhà tạm, ở khu vực dễ bị ngập lụt, cách xa đường giao thông. Họ thường là các cặp vợ chồng trẻ mới tách hộ hoặc người già neo đơn, bệnh tật. Các hộ nghèo và cận nghèo có đặc điểm chung là ít đất sản xuất cũng như ít đất thổ cư nên việc chuyển đến nơi ở mới càng thêm khó khăn ngay cả khi được vay ưu đãi để sửa chữa hay chuyển đến nơi ở mới².

Nghèo đói không chỉ tác động đến việc cải tạo nhà ở hay tái định cư mà còn ảnh hưởng tới khả năng phục hồi đất sản xuất sau mỗi đợt thiên tai như một số nghiên cứu đã chỉ ra (Tran & Shaw, 2007). Trong số 22 người được phỏng vấn ở xã Lâm Đốt, có 6 người Tà Ôi ở thôn A Đốt và 8 người Cơ Tu ở thôn Cur So thừa nhận có ít nhất 20% diện tích ruộng bị cát, sỏi, đá bồi lấp hoặc bị sạt lở sau trận lụt năm 2020. Phần lớn diện tích này nằm cạnh ba con suối là La Tung, Ba Lạch và A Sáp. Đối với những hộ nghèo, họ chỉ có thể nhờ họ hàng giúp sức để dọn dẹp ruộng sau khi lũ rút để chuẩn bị đất cho vụ sau. Tuy nhiên, việc này chỉ có thể tiến hành với khu ruộng bị bồi lấp bởi đá sỏi nhỏ, ít bùn cát. Với khu vực bị vùi lấp bởi lớp cát dày, nhiều đá lớn, xa đường, không tiện cho máy xúc tiếp cận, người dân buộc phải bỏ hoang. Những hộ khá giả hơn mới có điều kiện thuê máy xúc để di dời đá tảng và lớp cát, sỏi trên ruộng. Chi phí để thuê máy xúc dọn dẹp trên 1.000 m² ruộng ít nhất là 10 triệu đồng. Tính đến

² Việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở phải được chính quyền huyện phê duyệt, song do đặc thù là xã vùng biên, một số hộ có đất đồi, ruộng ven đường vẫn chủ động thuê xe đồ đất để làm nhà.

tháng 6 năm 2021, trong tổng số 14 hộ được hỏi có ruộng bị bồi lấp nghiêm trọng, chỉ có 3 hộ có khả năng cải tạo ruộng, tiến hành canh tác tiếp nhờ trong gia đình có ít nhất một người làm cán bộ địa phương và có lương ổn định, số còn lại buộc phải bỏ hoang ngay tại thời điểm nghiên cứu này được tiến hành bởi họ không đủ khả năng tài chính để thuê máy xúc. Điều đáng nói là trong số 13 hộ này, có đến 7 hộ đồng thời bị ngập nhà, chết gia súc, gia cầm, đói mặt thiếu lương thực, có người già yếu và con nhỏ. Tính đến tháng 4 năm 2022, vẫn còn 8 hộ phải chấp nhận bỏ hoang diện tích bị bồi lấp và 8 hộ này đều thuộc diện hộ nghèo. Ngoài lý do thiếu tiền để cải tạo ruộng, người dân cũng thừa nhận họ ngại tiếp tục canh tác trên những khu ruộng đó bởi rất có thể chúng lại tiếp tục bị sạt lở, bồi lấp khi có bão lũ trong tương lai. Thay vào đó, họ ưu tiên đi làm thuê để có thu nhập tiền mặt tức thì. Nghèo đói khiến họ không dám mạo hiểm và buộc phải ưu tiên hoạt động có thu nhập tiền mặt nhanh nhất.

Trong bối cảnh nguồn lực kinh tế hạn chế, để ứng phó với tình trạng sạt lở và bồi lấp đất ruộng có thể xảy ra trong tương lai, một số hộ bắt đầu gia cố ruộng bằng việc dựng hàng rào đá bao quanh (7 hộ). Lựa chọn này chỉ diễn ra với gia đình có nhiều lao động để vận chuyển đá từ trên núi về; có diện tích ruộng ven các suối nhưng không cách xa đường giao thông. Khi được hỏi về lựa chọn phòng chống bị ngập lụt có thể diễn ra trong năm tới, tất cả người được phỏng vấn cho rằng họ sẽ bắt đầu vụ hè thu sớm hơn trước đây khoảng 3 tuần, tức là vào trung tuần tháng 8 để có thể thu hoạch lúa trước mùa bão lũ. Kinh nghiệm này được cung cấp bởi cán bộ khuyến nông xã, thông qua các cuộc họp tại thôn bản. Một xu thế thích ứng phổ biến khác là nhiều hộ dân ở cả hai thôn bắt đầu trồng rau trên đất vườn nhằm thay thế diện tích rau ven suối đã bị sạt lở (21 trong số 22 người được hỏi). Tuy nhiên, tập quán thả rộng lợn, gà khiến diện tích này vẫn còn khá nhỏ, chưa đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của gia đình bởi họ còn phải bỏ công để làm hàng rào, tránh sự phá hoại của gia súc, gia cầm. Tuy nhiên, theo đánh giá của người dân cũng như chính quyền xã, những thích ứng trên chỉ mang tính ngắn hạn và không bền vững, bởi theo họ thời tiết thiên tai ngày càng khó đoán định. Họ cho rằng việc canh tác trên ruộng chỉ có thể bền vững khi các can thiệp sau được tiến hành: 1) Tăng cường trồng và bảo vệ rừng để chống xói mòn, sạt lở; 2) Kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập dọc các con suối; hàng rào bảo vệ khu vực chân đồi, nơi có hiểm họa sạt lở cao; 3) Hệ thống cảnh báo thời tiết sớm giúp người dân có đủ thời gian chuẩn bị, điều chỉnh lịch mùa vụ; 4) Áp dụng giống cây trồng mới với chu kỳ sinh trưởng ngắn hơn, có khả năng chống chịu tốt hơn với gió; thân cao hơn để chống lụt; 5) Cung cấp giống và phân bón miễn phí với những hộ có ruộng bị thiệt hại bởi thiên tai để tái canh tác.

Những can thiệp trên được thừa nhận nằm ngoài khả năng của người dân cũng như chính quyền xã, thậm chí chính quyền huyện. Thiếu nguồn lực tài chính và hỗ trợ cần thiết được cho là nguyên nhân chính không cho phép người dân tiến hành những hoạt động này dù họ ý thức được sự cần thiết, tính hiệu quả, bền vững của chúng. A Lưới vẫn là một huyện nghèo, ngân sách hoạt động hoàn toàn phụ thuộc vào cấp trên phân bổ. Bảng 2 dưới đây sẽ đưa ra những phân tích cụ thể về vai trò của điều kiện kinh tế trong việc phát triển chăn nuôi. Kết quả nghiên

cứu cho thấy người dân ý thức được phát triển chăn nuôi là hoạt động quan trọng giúp họ có thêm thu nhập, qua đó tạo điều kiện gia cố nhà cửa, giảm mức rủi ro trước thiên tai. Tuy nhiên, nghèo đói là nhân tố cản trở mong muốn này của họ.

Bảng 2: Điều kiện kinh tế và tính dễ bị tổn thương với thiên tai trong chăn nuôi

	Nguồn vốn tài chính, con người, đất đai	Tính tổn thương với thiên tai	Khả năng đầu tư cho chăn nuôi	Mong muốn phát triển chăn nuôi
Hộ nghèo, cận nghèo	Không đủ khả năng tài chính đầu tư nuôi ở phạm vi lớn; Thiếu người chăm sóc do thường là hộ neo đơn, bệnh tật. Không thể phân công người chăn thả hàng ngày; Diện tích đất canh tác ít nên không thể dành 1 diện tích làm bãi chăn thả.	Tính tổn thương cao vì nhà cửa không kiên cố; nguồn thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và đi làm thuê, dễ bị ảnh hưởng khi có thiên tai.	Không có vốn để đầu tư chăn nuôi ở quy mô lớn; Không có nhân lực, kinh nghiệm, kiến thức để đảm nhiệm chăn nuôi trâu bò hay ao cá; do phải đi làm thuê, làm ăn xa nên không thường xuyên cập nhật được thông tin, kiến thức liên quan đến khuyến nông. Rủi ro cao và khó có khả năng hồi phục nếu trâu bò chết hoặc ao cá bị ngập.	Mạnh mẽ vì trâu bò, ao cá là tài sản có giá trị, một dạng của để dành quan trọng; nhất là khi gia đình cần tiền để xây nhà, cưới xin, ma chay.
Hộ trung bình, khá giả	Có đủ nhân lực và tài chính để đầu tư chăn nuôi gia súc hay ao cá.	Tính tổn thương thấp hơn do có nguồn lực ứng phó.	Có khả năng đầu tư 2-3 con lợn, vài chục con gà và 1 - 2 trâu bò vì có tài sản để thế chấp vay ngân hàng.	Không muốn đầu tư thêm, chỉ duy trì 1-3 con trâu bò; ao cá nhỏ vì muốn chuyển hướng sang kinh doanh, dịch vụ.

Nguồn: Khảo sát thực địa tại xã Lâm Đốt, năm 2022

Trong vòng 5 năm qua, theo đánh giá của người dân, số lượng trâu, bò giảm mạnh ở những hộ nghèo và cận nghèo trong khi ít có sự thay đổi ở nhóm trung bình hay khá giả. Khác

biệt này bị quy định bởi một số lý do sau: 1) Mức đầu tư cho trâu, bò cao gấp 6-7 lần so với lợn và cần ít nhất 2-3 năm để có thể có thu nhập từ bán con giống hoặc con trưởng thành. Vốn trung bình đầu tư cho một trâu bò giống vào khoảng gần 10 triệu đồng. Điều này quá khả năng của các hộ nghèo, cận nghèo vì theo họ, cần phải nuôi vài con trở lên mới có lãi cũng như để giảm thiểu rủi ro; 2) Hộ nghèo, cận nghèo thường có ít đất canh tác vì thế họ không thể dành riêng một phần diện tích làm bãi chăn thả. Bên cạnh đó, cần ít nhất 1 nhân lực để chăn thả, cắt cỏ hàng ngày; 3) Hộ nghèo, cận nghèo phải ưu tiên nhân lực đi làm thuê kiếm tiền mặt hàng ngày để chi trả chi phí sinh hoạt cho gia đình; 4) Rủi ro với chăn nuôi trâu bò, ao cá là quá lớn do dịch bệnh và thời tiết; giá trị đầu tư có thể lớn hơn tổng tài sản của các hộ nghèo, cận nghèo. Họ e sợ ngay cả với việc vay vốn từ ngân hàng chính sách để mua trâu, bò giống vì không có khả năng trả lãi, trả gốc khi rủi ro xảy đến.

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm hay ao cá giảm đồng nghĩa với việc người dân mất đi một nguồn thu nhập quan trọng. Đối với nhiều tộc người ở vùng cao, biên giới, gia súc không chỉ tạo ra nguồn thu mà còn là một dạng tài sản để dành nhằm bán lấy tiền mặt khi gia đình cần những khoản chi tiêu lớn. Đợt lũ lịch sử tháng 10 năm 2020 và đợt rét đậm tháng 1 năm 2021 không chỉ làm giảm đàn gia súc, gia cầm mà còn khiến người dân, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo e ngại đầu tư lại vào chăn nuôi. Điều đó cũng đồng thời khiến cơ cấu thu nhập của họ ít đa dạng hơn và lệ thuộc hơn vào việc đi làm ăn xa.

3.2. Sử dụng và quản lý đất đai

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra đất đai là loại hình thiệt hại phổ biến nhất do thiên tai gây ra ở vùng miền núi, trong đó có đất sản xuất, đất ở (Bryan et al, 2009). Đây cũng là nguồn lực quan trọng của người dân và vì thế thiệt hại về đất đai có thể gây xáo trộn nghiêm trọng đến sinh kế cũng như đời sống của người dân. Ở chiều ngược lại, cách thức người dân sử dụng đất đai cũng như chính sách quản lý đất đai có thể giúp phục hồi sinh kế sau thiên tai hoặc có thể khiến họ trở nên dễ tổn thương hơn. Chính vì thế, việc phân tích tính phù hợp, bền vững của sử dụng, quản lý đất đai là hết sức cần thiết để có thể đánh giá khả năng phục hồi sau thiên tai cũng như đề xuất các biện pháp phòng chống, thích ứng. Dựa trên kết quả khảo sát thực địa trong hai năm 2021 - 2022 tại xã Lâm Đót, huyện A Lưới, dưới phương diện sử dụng đất, có thể nhận thấy một số thực hành của cả người Cơ Tu và Tà Ôi có xu hướng khiến họ chịu thêm rủi ro từ thiên tai. Những thực hành này dù có thể đem lại lợi ích kinh tế trước mắt nhưng lại gây ra những hệ lụy về môi trường trong tương lai, góp phần khiến họ phải đối mặt với nhiều thiệt hại hơn khi có bão, lũ.

Thứ nhất, sự phát triển nhanh chóng của diện tích trồng cây keo. Trong vòng 10 năm qua, quá trình chuyển đổi cây trồng rõ nét nhất ở Lâm Đót là sự suy giảm diện tích sắn, ngô và được thay thế bằng diện tích cây keo. Trong số 22 người được hỏi, diện tích cây keo trung bình trên hộ là 1ha và hầu hết mới được trồng từ năm 2012. Khi được hỏi vào tháng 4 năm 2020, hầu hết các hộ đều khẳng định sẽ tiếp tục trồng keo thay vì sắn hay ngô. Lý do diện tích trồng keo gia tăng ngoài yếu tố thị trường, còn được người dân cho là vì chúng có sức chịu

đựng tốt hơn với hạn hán, lũ lụt; ít đòi hỏi công chăm sóc. Tính đến đầu năm 2021, keo đã trở thành loại cây trồng có diện tích lớn nhất, với khoảng 895ha. Việc phát triển cây keo dẫn đến các hệ lụy: 1) Tăng xói mòn do mở đường để xe tải thu gom gỗ tạo thành các dòng chảy, phát quang mặt đất làm giảm đa dạng sinh học; 2) Trong khi keo không nên trồng ở khu vực cao hơn mực nước biển 700m, có độ dốc $>35^{\circ}$, tại A Lưới nói chung, xã Lâm Đốt nói riêng, người dân trồng cả trên khu vực đất dốc, điều đó góp phần lý giải vì sao trong đợt bão tháng 10 năm 2020, diện tích keo bị gãy quá lớn, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân, thiệt hại về tiền, công dọn...; 3) Tạo ra lao động dư thừa, góp phần khiến lao động trẻ đi làm ăn xa, để lại người già và trẻ nhỏ tại nhà, tăng tính tổn thương khi có bão lũ.

Trong khi sự thích ứng trên đất ruộng mang tính ngắn hạn và thụ động, nghiên cứu này cũng tìm hiểu xem những gì đã diễn ra trên khu vực đất đồi, nơi người dân tiến hành canh tác một số loại cây trồng khác. Điều đáng tiếc là chính quyền xã không thể cập nhật được con số chính xác bởi quá trình này diễn ra tự phát. Các giống keo được mua từ công ty lâm nghiệp tại thị trấn huyện. Người dân, bên cạnh nhờ họ hàng giúp, thường phải thuê nhân công để trồng với tiền công/ngày trung bình từ 150.000 đồng - 200.000 đồng. Để trồng 1ha trong 1 ngày, số nhân công huy động từ 30-40 người. Sau 7-8 năm, người dân thường bán keo cho các thương lái người Kinh trong vùng thông qua hình thức bán theo diện tích. Người mua sẽ tự thuê nhân công tại chỗ thu hoạch và vận chuyển xuống đường, trước khi xe tải vận chuyển đến các điểm thu mua khác. Theo ước tính của người dân, xét về hiệu quả kinh tế, cây sắn mang lại thu nhập cao hơn so với cây keo khoảng 2 lần. Tuy nhiên, có nhiều lý do dẫn đến sự gia tăng của diện tích keo, bao gồm: 1) Trồng keo ít phải đầu tư phân bón, công chăm sóc ít hơn so với sắn hoặc ngô; 2) Chất đất ngày càng kém và không cho năng suất sắn cao như trước; 3) Hạn hán kéo dài hơn, gió mạnh hơn nên không thích hợp trồng sắn hay ngô; 4) Nhu cầu thị trường ổn định hơn với cây keo; 5) Chăn nuôi gia súc giảm nên nhu cầu sử dụng sắn làm thức ăn cũng giảm; 6) Năng suất lúa tăng nên sắn không còn là lương thực thay thế.

Ngoài những lý do trên, nhiều hộ dân cũng chỉ ra mối liên hệ giữa diễn biến thời tiết, thiên tai với sự gia tăng của diện tích keo tại thời điểm nghiên cứu cũng như trong tương lai. Thiệt hại do thiên tai gây ra đối với cây lúa, nhà cửa, vật nuôi, sức khỏe của người dân khiến nhu cầu tiền mặt để bù đắp cho những thiệt hại ấy hết sức cấp bách và đi làm ăn xa là lựa chọn khả dĩ nhất trong bối cảnh người dân không có vốn cũng như kỹ năng. Điều đó khiến lực lượng thanh niên, trung niên trong làng đi làm ăn xa ngày càng tăng, nhiều hộ gia đình chỉ còn lại phụ nữ, người già và con nhỏ. Trong số 22 hộ phỏng vấn, có 17 hộ có ít nhất một người - thường là người chồng, đi làm ăn xa. Sự vắng mặt của lực lượng lao động chính khiến các hộ phải lựa chọn loại cây trồng vừa ít đầu tư vốn, vừa ít công chăm sóc và cây keo được coi là phù hợp nhất.

Mặc dù vậy, người dân nhận thức được rằng cây keo không phải là loại cây trồng có thể giúp họ thoát nghèo, phát triển kinh tế bền vững. Trên thực tế, sức chống chịu của cây keo với gió bão cũng không phải là tốt do đặc tính thân giòn, rễ nông (Phí Hồng Hải, 2022). Thiệt hại trên phạm vi rộng sau trận bão cuối năm 2020 là ví dụ điển hình. Hơn nữa, cây keo cũng

không góp phần bảo vệ đất, chống xói mòn bởi chu kỳ vòng đời ngắn, độ che phủ không cao, rễ không bám sâu vào đất. Việc ủi đất làm đường để máy xúc, máy ủi và thậm chí xe tải có thể tiếp cận khi khai thác cũng góp phần thúc đẩy quá trình xói mòn, bạc màu của đất. Thêm vào đó, việc phát triển cây keo đồng nghĩa với việc thu hẹp diện tích chăn thả, giảm mạnh diện tích trồng ngô, sắn và qua đó dẫn đến giảm đàn gia súc, gia cầm. Điều đó có nghĩa từ mô hình sinh kế nhiều cây, con (lúa, ngô, sắn, keo) như trước đây, hoạt động sản xuất của người dân giờ chủ yếu dựa vào hai loại cây trồng là lúa và keo. Sự chuyển dịch này khiến tính tồn thương của người dân trước thiên tai bị gia tăng xuất phát từ những nguyên nhân sau: 1) Chu kỳ thu hoạch cây keo lâu hơn trong khi rủi ro về bão luôn đe dọa làm gãy cây do xu thế gió lốc, mạnh xuất hiện nhiều hơn; 2) Nguồn thu nhập không còn đa dạng và thường xuyên đi làm ăn xa trở thành một xu thế ngày càng phổ biến. Nhóm di cư làm ăn xa thường là lao động chính trong gia đình khiến việc gia cố nhà cửa, chuyển đồ đạc, di dời khi có bão, lũ bất chợt không kịp thời, hiệu quả bởi người ở lại là phụ nữ, người già và trẻ nhỏ trong khi thu nhập từ việc đó phải mất hàng chục năm mới đủ để xây lại ngôi nhà mới; 3) Diện tích keo tăng dẫn tới giá thu mua gỗ keo giảm, dẫn đến thu nhập từ loại cây này không giúp người dân có đủ nguồn tài chính để đầu tư sửa hoặc xây nhà; 4) Diện tích keo tăng gián tiếp làm giảm đàn gia súc do không có đất chăn thả.

Thứ hai, việc đào đất làm nhà ven đồi, núi cũng khiến hàng chục hộ dân ở xã Lâm Đốt trở nên rủi ro hơn với hiểm họa sạt lở đất. Do thiếu đất ở, ngày càng có nhiều hộ dân phải thuê máy xúc đào đất đồi, vườn để dựng nhà ngay dưới chân đồi. Đây là những hộ có đất đồi, có điều kiện kinh tế hơn so với hộ nghèo hay cận nghèo. Chi phí thuê máy để tạo mặt bằng với diện tích khoảng 100m² để xây nhà dao động ở mức 100 triệu đồng. Dù những ngôi nhà này kiên cố hơn, có thể tránh được ngập lụt khi có bão nhưng rủi ro từ sạt lở đất lại tăng khi mưa lớn kéo dài.

Bên cạnh đó, tình trạng khai thác đất chân đồi để san lấp đất làm nhà cũng ngày càng phổ biến. Ở khu vực ngã ba, đầu thôn A Đốt có điểm tập kết nhiều máy xúc của hai hộ tư nhân người Kinh. Hai hộ này chuyên cung ứng dịch vụ đào đất đồi để lấp đất, đôn nền cho các hộ có nhu cầu trong xã. Cách làm này giúp một số hộ khá giả có điều kiện gia cố nhà cửa, chống ngập qua việc nâng cao nền nhà nhưng đồng thời tăng khả năng sạt lở ở những khu vực khai thác đất. Điều đáng nói là việc làm này không xin phép chính quyền địa phương dẫn đến hoạt động đào, xúc đất diễn ra tự do, không được quy hoạch.

3.3. Hệ thống thủy lợi

Hệ thống thủy lợi đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc tưới tiêu cho mùa vụ mà còn có ảnh hưởng đến thái độ cũng như chiến lược thích ứng của người dân trước lũ lụt. Nghiên cứu của McElwee và cộng sự (2017) đã cho thấy nhờ hệ thống kênh mương phát triển, nông dân vùng đồng bằng Sông Hồng có khả năng cung cấp nước cho cây trồng hay thoát ngập trong mùa mưa khá hiệu quả; khiến họ không quá quan ngại về rủi ro cây trồng bị úng ngập. Tuy nhiên, bức tranh này lại khác ở xã Lâm Đốt. Sông A Sáp, suối Ba Lạch và suối La Tung đóng vai trò là nguồn tưới, tiêu quan trọng cho diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn

xã. Sông A Sáp chảy qua các thôn A Tin, Chilanh Aroh, A Đốt; suối Ba Lạch chảy qua các thôn Chí Hòa, Paris-KaVin, A Đốt; và suối La Tung chảy qua thôn La Tung. Trong 10 năm qua, tình trạng xâm canh, trồng lúa, ngô, rau ven theo bờ ba con sông, suối này dẫn đến tình trạng bồi lấp ở một phía trong khi sạt lở ở phía bên kia. Thêm vào đó, do hạn chế về kinh phí, việc nạo vét, kè bờ không được tiến hành ở những điểm hay sạt lở. Điều đó khiến dòng chảy ngày càng bị thu hẹp vào mùa khô; ở nhiều khu vực, độ rộng chỉ còn chừng 2m với độ sâu không quá 1m (điển hình là đoạn sông A Sáp chảy qua thôn A Đốt và Cur So). Khi mưa to kéo dài hoặc có lũ, việc thoát nước bị chậm lại khiến ngập úng, tràn nước sang hai bên bờ, gây thiệt hại đến diện tích canh tác của người dân. Trận lũ tháng 10 năm 2020 đã khiến gần 10ha đất canh tác ven sông A Sáp, ở khu vực thôn Cur So hoặc bị sạt lở, hoặc bị bồi lấp không thể canh tác. Diện tích này bị buộc phải bỏ hoang ngay cả đến thời điểm tháng 4 năm 2022.

Theo đánh giá của cán bộ xã Lâm Đốt, hệ thống thủy lợi mới chỉ đáp ứng nhu cầu tưới cho khoảng 50% diện tích đất canh tác trên địa bàn xã trong vụ hè thu. Diện tích còn lại phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa. Thực tế này khiến người dân không thể chủ động lịch mùa vụ bởi việc làm đất, gieo trồng phụ thuộc nhiều vào nguồn nước. Chính vì vậy, dù ý thức được nên bắt đầu vụ đông xuân sớm để tránh bão lụt nhưng cả người Cơ Tu hay Tà Ôi trên địa bàn xã đều không thể thực hiện được. Sự xuống cấp của hệ thống thủy lợi khiến cây trồng bị thiếu nước vào mùa khô trong khi lại dễ úng ngập vào mùa mưa và điều đó ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng. Một số hộ dân phải thuê máy bơm để dẫn nước từ suối tưới cho cây lúa trong vụ hè thu do mực nước xuống thấp. Điều đó khiến chi phí đầu tư sản xuất tăng. Các hộ nghèo và cận nghèo dễ tổn thương nhất trước thực trạng này bởi diện tích ruộng ít, lại thường nằm xa nguồn nước. Chính vì thế, từ năm 2016 đến nay, diện tích đất không canh tác ngày càng tăng đúng như cán bộ xã, thôn thừa nhận. Hạn hán vào mùa khô và ngập lụt vào mùa mưa khiến ruộng ở khu vực thấp hoặc xa nguồn nước không thể canh tác. Điều đó khiến xu thế đi làm thuê, làm ăn xa ngày càng tăng.

Kết luận

Những phân tích trong bài viết cho thấy, thiên tai đã, đang và sẽ ngày càng gây ra nhiều tác động tiêu cực đối với sinh kế cũng như đời sống của người dân ở xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều đáng lo ngại là diễn biến của lũ lụt, các cơn bão cũng như thời tiết ngày càng khó dự đoán khiến người dân phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn, không chỉ về mùa vụ, nhà cửa, tài sản mà cả tính mạng. Trong bối cảnh đó, các nhân tố quan trọng khiến người dân dễ tổn thương hơn trước thiên tai, cản trở quá trình thích ứng trong thiên tai cũng như khả năng phục hồi sau thiên tai lại nằm ngoài khả năng kiểm soát của người dân. Để thoát nghèo, thay đổi việc sử dụng đất đai theo hướng bền vững hơn hay cải tạo hệ thống thủy lợi, rõ ràng người Cơ Tu cũng như Tà Ôi cần có sự giúp đỡ hơn nữa từ phía Nhà nước cũng như doanh nghiệp. Trong khi những nhiệm vụ này cần nhiều thời gian để hoàn thành, mục tiêu ưu tiên trước mắt là đảm bảo an toàn về nhà ở, nhất là trong bối cảnh gió lốc, bão, lũ lụt ngày càng nguy hiểm và khó lường hơn như ghi nhận trong vài năm trở lại đây.

Tài liệu tham khảo

1. Bryan, E., Deressa, T. T., Gbetibouo, G. A., Ringler, C. (2009), “Adaptation to Climate Change in Ethiopia and South Africa: Options and Constraints”, *Environmental Science & Policy*, Vol. 12: 413-426.
2. Dang, H., Li, E., Bruwer, J., Nuberg, I. (2014), “Farmers' perceptions of climate variability and barriers to adaptation: Lessons learned from an exploratory study in Vietnam”, *Mitigation and Adaptation Strategies for Global Change*, Vol. 19: 531-548.
3. Fischer, I., Beuchelt, T., Dufhues, T., Buchenrieder, G. (2010), “Risk management networks of ethnic minorities in Viet Nam”, *Asia-Pacific Development Journal*, Vol. 17: 93-118.
4. Phí Hồng Hải (2022), *Cần phải có cách nhìn đúng về giá trị cây keo*, Trên trang <https://tongcuclamnghiep.gov.vn/LamNghiep/Index/can-phai-co-cach-nhin-dung-ve-gia-tri-cay-keo--4539> (Truy cập ngày 12/10/2022).
5. Ho, Son & Kingsbury, A. (2020), “Community adaptation and climate change in the Northern Mountainous Region of Vietnam: A case study of ethnic minority people in Bac Kan Province”, *Asian Geographer*, No 37: 33-51.
6. Le Thi Hoa Sen, Jennifer Bondb, Alexandra Winkelsc, Nguyen Hoang Khanh Linh, Nguyen Tien Dung (2020), “Climate change resilience and adaption of ethnic minority communities in the upland area in Thừa Thiên Huế province, Vietnam”, *Journal of Life Sciences*, 92 (2020).
7. McElwee, Pamela; Tuyen Nghiem; Hue Le; Huong Vu (2017), “Flood vulnerability among rural households in the Red River Delta of Vietnam: implications for future climate change risk and adaptation”, *Nat Hazards*, 86: 465-492.
8. Pelling, Mark & Chris High (2005), “Understanding adaptation: What can social capital offer assessments of adaptive capacity?”, *Global Environmental Change*, Volume 15, Issue 4, pp. 308-319.
9. Nguyễn Công Thảo (Chủ biên, 2020), *Tri thức tộc người trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và người Kơ-me ở tỉnh Cà Mau*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Công Thảo (2022), “Thiên tai và thích ứng trong sinh kế của một số tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt - Lào”, trong Viện Dân tộc học: *Phát triển sinh kế bền vững của các tộc người ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học Quốc gia năm 2021), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Tran, Phong & Shaw, Rajib (2007), “Towards an Integrated Approach of Disaster and Environment Management: A Case Study of Thua Thien Hue Province, Central Viet Nam”, *Environmental Hazards*, Vol. 7: 271-282.